

Bản án số: 704/2022/HC-PT
Ngày: 30 - 8 - 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Chung Văn Kết

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 547/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2021 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2021/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Trần Trung T (có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị C. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C: Ông Nguyễn Khánh L; trú tại: Số 8A, N, thị trấn E, huyện C1, tỉnh Đắk Nông (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 25/02/2021). (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện K: Ông Trần Đăng A – chức vụ: Phó chủ tịch (Theo Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021) (Đề nghị xét xử vắng mặt)

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông: Ông Lê Trọng Y – chức vụ: Phó chủ tịch (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2021) (Đề nghị xét xử vắng mặt)

3. *Người kháng cáo:* Do có kháng cáo của ông Nguyễn Khánh L là người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo khởi kiện ngày 26/02/2021 và lời trình bày của ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 76, 77, 84, 90, 118 thuộc tờ bản đồ số 25, đất tọa lạc tại xã Đ1, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Năm 2007 Nhà nước khởi công xây dựng công trình thủy lợi Đ2 khi đó do số tiền đền bù quá thấp nên ông T bà C chưa nhận tiền đền bù. Đến năm 2008 nhà thầu chặn dòng đập phụ nước dâng lên và không còn đường đi nên vợ chồng ông T bà C nhận tiền đền bù. Năm 2009 do nước dâng lên cao nên đã ngập phát sinh thêm hơn 2ha đất của gia đình ông T bà C, làm ông bà không có đường đi vào đất canh tác nên kể từ thời điểm này ông T bà C đã nhiều lần gửi đơn đến Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K yêu cầu giải quyết nhưng mãi đến năm 2017 UBND huyện K mới ban hành Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 22-6-2017 thu hồi đất để thực hiện công trình thủy lợi Đ2, hạng mục lòng hồ chính bổ sung, diện tích 21.143 m² gồm đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất của hộ ông Trần Trung T, thuộc thửa đất số 01, mảnh trích đo từ thửa 76, 77, 84, 90, 118 tờ bản đồ số 25.

Đến ngày 14-6-2019 UBND huyện K ban hành Quyết định số 1401/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 22-6-2017, diện tích được điều chỉnh thu hồi là 20.668,8 m², trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm 6.611,3 m², đất trồng rừng sản xuất là 14.057,5 m² thuộc mảnh đo địa chính 02-2018. Tuy nhiên trên thực tế chỉ có 6.611,3 m² thuộc thửa đất số 06 được trích đo từ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 25 là UBND huyện K xác định đúng, phần diện tích còn lại 14.057,5 m² thuộc thửa đất số 03, 04, 05 được UBND huyện K xác định trích đo từ các thửa 76, 77, 84 thuộc tờ bản đồ số 25 là không đúng, thực tế diện tích 14.057,5 m² này được trích đo từ thửa đất số 118,

thuộc tờ bản đồ số 25, cách vị trí các thửa 76, 77, 84 khoảng 500m; thửa đất số 118 này ông T, bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 7/2017 (sau thời điểm có quyết định thu hồi số 1404/QĐ-UBND ngày 22-6-2017). Mục đích sử dụng đất là trồng cây lâu năm.

Do UBND huyện K xác định sai vị trí đất thu hồi dẫn đến xác định sai mục đích sử dụng đất bị thu hồi nên ngày 01-7-2019 ông T, bà C đã gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện K, khiếu nại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 22-6-2017 của UBND huyện K. Ngày 17-02-2020 Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 429/QĐ-UBND giải quyết không công nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị C.

Không đồng ý với kết quả giải quyết của UBND huyện K, ngày 24-02-2020 ông T, bà C đã khiếu nại lần 2 và tại Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 08-10-2020 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông đã không chấp nhận khiếu nại của ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C.

ông T, bà C cho rằng các quyết định giải quyết khiếu nại là không khách quan nên ngày 26/02/2021 đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông hủy Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 17-02-2020 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 08-10-2020 Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

2. Ý kiến của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K như sau:

- Ngày 01/7/2019, UBND huyện K nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị C (vợ ông Trần Trung T), khiếu nại một phần Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND huyện K, về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 và Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND huyện K, về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ công trình thủy lợi Đ2; Hạng mục: Lòng hồ chính bổ sung.

Sau khi tiếp nhận đơn, Chủ tịch UBND huyện K thụ lý giao cho Thanh tra huyện K xác minh, tham mưu việc giải quyết đơn khiếu nại của bà C.

Căn cứ kết quả xác minh và đề nghị của Thanh tra, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 429/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị C, bởi vì:

- Các thửa đất 3, 4, 5 diện tích 14.057,5 m² của hộ ông T, bà C được tách ra từ thửa đất số 99, tờ bản đồ số 25, theo bản đồ hiện trạng năm 2004, 2005 thì thửa đất số 99 diện tích 229.602 m² hiện trạng đất hoang chưa cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ai; theo tờ bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 của huyện

K thừa đất số 99 hiện trạng là rừng sản xuất chưa cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào.

- Từ ngày 15/7/2016 đến ngày 05/8/2016 Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã Đ1 và các hộ dân trong đó có hộ ông Trần Trung T đã thực hiện việc niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Tại dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ (đối với phần đất hiện ông T khiếu nại) là đất trồng rừng sản xuất. ông T tham gia phiên họp đồng ý nội dung dự thảo và không có ý kiến gì.

Sau khi UBND huyện K phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, ông T xin tạm ứng số tiền 900.000.000 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ. Do vậy việc ông T, bà C yêu cầu UBND huyện bồi thường 14.057,5 m² đất là đất trồng cây lâu năm là không có cơ sở xem xét.

- ông T, bà C yêu cầu UBND huyện bồi thường 500 cây mít cao sản: Kết quả xác minh các hộ sử dụng đất lâu năm trong khu vực lòng hồ thì không có căn cứ xác định hộ ông T, bà C trồng mít, trồng điều như nội dung đơn khiếu nại nên UBND huyện K không có cơ sở giải quyết.

3. Ý kiến của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông:

Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Nguyễn Thị C: Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông nhận được đơn khiếu nại của ông T, bà C đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 429/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện K.

Ngày 16-3-2020 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Công văn số 1146/UBND-KTN giao Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh chủ trì, phối hợp với UBND huyện K và các đơn vị có liên quan kiểm tra, xử lý nội dung đơn của bà Nguyễn Thị C. Ngày 27-3-2020 Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh tiến hành khảo sát việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị C tại UBND huyện K. Ngày 09-4-2020 Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh ban hành Công văn số 689/STNMT-TTr về việc đề nghị thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần 2 của bà Nguyễn Thị C trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị C. Ngày 13-4-2020 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 499/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 24-4-2020 Giám đốc Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh ban hành Quyết định số 593/QĐ-STNMT về việc xác minh nội dung khiếu nại (tổ xác minh số 593).

Từ ngày 29-4-2020 đến ngày 08-7-2020, tổ xác minh 593 xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị C. Ngày 28-8-2020 tổ xác minh 593 tổ chức đối thoại tại UBND huyện K, kết quả bà Nguyễn Thị C không đồng ý nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác. Ngày 21-9-2020 tổ xác minh 593 tiến

hành làm việc với đại diện Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi để làm rõ một số nội dung liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ của công trình thủy lợi Đ2. Ngày 25-9-2020 Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị C tại Báo cáo số 308/BC-STNMT. Ngày 08-10-2020 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1509/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại lần 2 của của ông T bà C.

Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2021/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, quyết định:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 33; khoản 1 Điều 116; Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C về yêu cầu hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 07/10/2021, ông Nguyễn Khánh L là người đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thay đổi yêu cầu kháng cáo, theo đó đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C là có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của phía người khởi kiện, thấy rằng:

[1] *Về nội dung:* ông T, bà C cho rằng diện tích đất 14.057,5 m² là diện tích đất thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 25 diện tích 52.734,4 m² được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CI 417235 ngày 18/7/2017, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến năm 2064 (BL 34,35) nên phải bồi thường giá đất trồng cây lâu năm, nhưng UBND huyện K bồi thường theo giá đất trồng

rừng sản xuất là không đúng.

- Tuy nhiên, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Theo tài liệu người bị kiện cung cấp, qua kết quả đo đạc, lồng ghép diện tích đất 14.057,5 m² là đất thuộc thửa đất số 99 tờ bản đồ số 25, theo bản đồ hiện trạng năm 2004, 2005 thì thửa đất số 99 diện tích 229.602 m² hiện trạng đất hoang chưa cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ai.

- Trong khi đó, thửa đất số 118, tờ bản đồ số 25 diện tích 52.734,4 m² được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CI 417235 ngày 18/7/2017, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến năm 2064, thì ngày 03/6/2020 ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C đã hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 25 diện tích 52.734,4 m² được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CI 417235 ngày 18/7/2017 cho ông Lê Văn Thắng và bà Huỳnh Thị Phương Loan.

Chính vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết luận diện tích đất 14.057,5 m² mà ông T bà C khiếu nại không thuộc thửa đất số 118, tờ bản đồ số 25, diện tích 52.734,4m² được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CI 417235 ngày 18/7/2017. Vì nếu thuộc thửa đất số 118 thì sau khi trừ diện tích đất bị thu hồi, diện tích đất còn lại chỉ còn 38.676,9m² ($52.734,4\text{m}^2 - 14.057,4\text{m}^2 = 38.676,9\text{m}^2$).

- Diện tích đất 14.057,5 m² mà ông T, bà C được bồi thường, hỗ trợ, trong quá trình sử dụng đất ông T, bà C chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ và chưa có một trong các loại giấy tờ theo Điều 50 Luật đất đai năm 2003 hoặc Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai:

Điều 3: Xác định loại đất: Việc xác định loại đất đối với trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng sử dụng.

- UBND huyện K xác định diện tích đất 14.057,5 m² của ông T, bà C là đất rừng sản xuất là có căn cứ và đúng với hiện trạng bản đồ cũng như kết quả xác minh. Chủ tịch UBND huyện K và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông không chấp nhận khiếu nại của ông T bà C nội dung này là có căn cứ, đúng pháp luật.

- ông T bà C khiếu nại yêu cầu bồi thường 500 cây mít nghệ trồng năm 2006, không phải số lượng mít 50 cây: Theo Biên bản phúc tra đất đai, cây trồng

vật kiến trúc trên đất ngày 08-6-2017 giữa Tổ Phúc tra và gia đình ông T (có chữ ký ông T) đã thống nhất kết quả về số lượng cây trồng kiểm kê năm 2011 trên diện tích đất bị thu hồi để đưa vào phương án bồi thường là cây xoan và mít thường. Vì vậy Chủ tịch UBND huyện K và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông không chấp nhận khiếu nại về bồi thường 500 cây mít trồng trên đất của ông T, bà C là có căn cứ.

[2] Từ những nhận định trên cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C là có căn cứ. Đương sự kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu nào khác để chứng minh, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy người khởi kiện phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khánh L là người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2021/HC-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C về yêu cầu hủy bỏ giá trị pháp lý Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

2. Về án phí:

- Ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006029 ngày 16/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông; đương sự đã nộp đủ.

- Ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên

lai số 0000013 ngày 21/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông;
đương sự đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Chung Văn Kết

Phạm Công Mười

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- NKK;
- NBK;
- Lưu: HS, VP, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười